

VÀI NÉT TƯƠNG ĐỒNG TRONG ĐẠO ĐỨC TIN LÀNH VÀ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG

MÃ PHÚC THANH TƯƠI^(*)

Lời mở đầu

Đạo Tin Lành chính thức được truyền bá vào Việt Nam đến nay tròn 100 năm (1911-2011) bởi các giáo sĩ của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp. So với các tôn giáo khác thì đạo Tin Lành vẫn còn là một tôn giáo non trẻ với số lượng hàng ngũ giáo phẩm và tín hữu hiện nay chỉ khoảng một triệu người. Dù vậy, đạo Tin Lành ngày nay đã có vị trí trong lòng dân tộc và ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong đời sống của đất nước.

Đạo Tin Lành du nhập vào Việt Nam mang theo mình giáo lí và một số chuẩn mực giá trị đạo đức khác biệt với quan điểm của người Việt truyền thống, thể hiện rõ qua những thay đổi trong nhận thức đức tin và lối sống hằng ngày của những tín đồ mới tin nhận đạo. Điều này đã tạo ra không ít những mâu thuẫn gay gắt giữa tín đồ và những người không theo đạo thuộc thân tộc, bạn bè và cộng đồng làng xóm. Chính vì vậy, việc nhập thể của đạo Tin Lành vào một xã hội có bốn ngàn năm văn hiến, một nền văn hóa làng xã mang đậm tính chất Á Đông là cả một quá trình đầy khó khăn. Đặc biệt, người Tin Lành luôn day dứt với suy tư: làm sao để việc trình bày Phúc

Âm cùng lối sống của mình với những thuộc tính đạo lí cùng những lễ đạo căn bản hài hòa được với cộng đồng dân chúng xung quanh?

Bài viết dưới đây sẽ đề cập đến sự tương đồng giữa đạo đức Tin lành và đạo đức truyền thống như một cố gắng tìm hiểu và lí giải những đặc trưng văn hóa, giá trị đạo đức nhân văn tương đồng giữa các nền văn hóa để hướng tới sự hòa đồng và hội nhập.

Chủ đề này là cần thiết và quan trọng, nhất là trong bối cảnh đang có sự thay đổi nhận thức, hướng tới sự thừa nhận và phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của các tôn giáo trong việc xây dựng văn hóa và phát triển xã hội.

Người viết với thiện chí và chân thành đưa ra lí luận biện chứng cổ vũ mọi người đồng tình góp phần xây dựng một nền đạo đức chung vốn có của người Việt. Đồng thời cũng góp phần khắc phục phần nào định kiến cách biệt tồn đọng giữa người có đạo và người theo tín ngưỡng cổ truyền, giữa các nhà quản lí và tín hữu Tin Lành.

^{*}. Mục sư Quản nhiệm Hội Thánh Tin Lành Chiên Đàn, Quảng Nam, Phụ giáo Viện Thánh Kinh Thần học Tp. Hồ Chí Minh

Tổng quan về đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành xuất hiện tại Phương Tây đã kéo theo sự biến đổi về mặt xã hội thật rộng lớn và sâu sắc, đến mức nó trở thành ranh giới phân chia hai kiểu văn minh⁽¹⁾. Nhà nghiên cứu tôn giáo Pháp, Jean Baubérot, đã viết “đạo Tin Lành trong lịch sử đã tạo nên một nhân tố cơ bản tạo dựng ra tính chất hiện đại đầu cho các nhân tố khác có quan trọng đến đâu đi nữa”⁽²⁾. Hội Thánh Tin Lành là một giáo hội có lịch sử ngắn ngủi tại Việt Nam, ngay từ khi thành lập, đạo Tin Lành chủ trương chỉ nhằm vào các hoạt động tôn giáo thuần túy nên đã không hiện diện rộng rãi vào các hoạt động của xã hội hay chính trị, mặc dù được công nhận là một trong những tôn giáo lớn tại Việt Nam.

Đạo đức Tin Lành phát xuất từ đức tin tôn giáo, phải chăng có nhiều cách biệt thậm chí đối lập với đạo đức người Việt, giữa cũ và mới, giữa truyền thống và hiện đại?

Quan điểm thần học Cải Cách Tin Lành thể hiện qua ba điều cơ bản: chỉ có Đức Chúa Trời, chỉ có Kinh Thánh và chỉ có ân điển⁽³⁾. Đức tin tôn giáo và lối sống đạo đức tóm gọn trong câu Kinh Thánh “Người công chính sẽ sống bởi đức tin”⁽⁴⁾. Đây là những đặc trưng chính không thể tách rời đã vận động từ khi khởi đầu phong trào Cải Cách cho đến sự thiết lập đạo Tin Lành như là một hằng số trong lịch sử của tôn giáo này. Diễn tả khái quát theo tiền đề vốn có của người Việt là Ông Trời, Luật Trời và Ôn Trời.

1. Ông Trời (Đức Chúa Trời)

Đạo Tin Lành thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng Tạo hóa duy nhất⁽⁵⁾, đa số dân chúng Việt Nam cũng đều có ý niệm và niềm tin hướng về một Đấng Tối cao mà họ gọi là Ông Trời như vậy. Mặc dầu có sự hiện diện của các tôn giáo Đông Phương với quan niệm Đấng Tạo hóa không ngôi vị “thiên địa vạn vật đồng nhất thể” hay cả một diện mạo thần linh đa dạng từ thời tối cổ cho đến hiện đại của người Việt⁽⁶⁾. Theo học giả người Pháp, L. Cadere, thì nhận thức Ông Trời “thuộc về cái vốn triết học riêng của dân tộc Việt Nam, vì ý niệm Trời đã ăn sâu vào trong tâm hồn nhân dân Việt Nam”⁽⁷⁾ cho nên họ đã tuyên xưng Đấng Tạo hóa một cách dân dã là “Ông Trời”. Đây chính bản sắc tín ngưỡng của dân tộc, niềm tin chung quan trọng và căn bản nhất của xã hội Việt Nam. Dù người Việt dùng chữ trời có nhiều nghĩa khác nhau như chỉ về bầu trời, về thiên nhiên, tính hoang đại

1. Sabino Acquaviva. *Xã hội học tôn giáo*, (bản dịch tiếng Việt của Lê Diên), Nxb. KHXH, H. 1998, tr. 185.

2. Jean Baubérot. *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, 2006, tr. 9-22.

3. Jean Baubérot. Sdd, tr. 9-22, Có 5 đặc trưng qua tiếng Latinh: *Sola fide*, là “chỉ có đức tin”; *sola Scriptura*: “Chỉ có Kinh Thánh”; *sola gratia*: “chỉ có ân điển”; *solus Christus*: “chỉ có Đấng Christ; và *solus Deo gloria*: “Chỉ có Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, các học giả thần học hay thế tục thường chỉ nhấn mạnh đến 2 hay 3 đặc trưng chính mà thôi.

4. *The Holy Bible in Vietnamese*, Bản dịch 1926, United Bible Societies phát hành, 1994, tr. 164, Rôma 1:17b.

5. Kinh Thánh, Sdd, tr. 180, 260. Công vụ 17:24; Tim. 1:17.

6. Tạ Chí Đại Trường. *Thần người và đất Việt*, Nxb. Văn Hóa Thông tin, 2006, tr. 356, 357.

7. Nguyễn Đăng Thục. *Lịch sử Tư Tưởng Việt Nam*, cuốn 1, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1992. Trích lời học giả người Pháp L. Cadere.

hay diễn tả thời gian lâu dài, thì Trời, Ông Trời hay Thượng Đế chính là Đức Chúa Trời có lòng xót thương, nhân từ và công minh. Đấng Tối cao siêu hình nhưng cũng hữu hình, hiện diện trong tâm thức cho đến nỗi người Việt Nam gọi Đấng ấy là “Ông Trời” mang bản sắc Việt Nam.

Đạo đức Tin Lành nhấn mạnh đến nguồn gốc đạo đức lưu xuất từ bản thể của Đức Chúa Trời, bản chất của đạo đức phản ánh ý chí của Đấng Tối cao trong sự tạo dựng và cứu rỗi nhân loại, yếu tố cơ bản của đạo đức chân chính được Đức Chúa Trời cung cấp qua Kinh Thánh, qua thế giới tự nhiên, con người và lịch sử. Tất cả mọi người đều ý thức sự thúc bách từ trong lòng về điều thiện mà mình phải làm và nhận thức mình là “nhân vô thập toàn” không thể làm trọn được các chuẩn mực đó.

Trước khi chưa có Kinh Thánh thì đạo đức đã có và tồn tại với con người và xã hội loài người⁽⁸⁾. Đạo đức được Ông Trời phú cho con người trong thế giới tự nhiên, được nhìn nhận qua luật đạo đức tự nhiên được ghi trong lòng của con người⁽⁹⁾, điều này được gọi là mặc khải tổng quát ứng dụng trong phương diện đạo đức. Luật này dựa trên khuynh hướng tự nhiên của tạo vật để hành động đúng hay hướng đến điều đúng (hổ dữ không ăn thịt con, một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ). Thomas Aquinas cho rằng, tri thức luân lý được khắc sâu cách tự nhiên được khám phá bởi lý tính và kinh nghiệm thể hiện qua các câu cách ngôn đạo đức, sự hình thành giá trị đạo đức và luật pháp của con người. Từ đó, Thomas Hobbes phát triển hệ thống đạo

đức đặt trên nền tảng tự nhiên. David Hume nhấn mạnh đến đạo đức như là sự cảm nhận thuộc tri giác. Hêghen với ý niệm tuyệt đối. I. Cantor là ý chí đạo đức hay thiện ý có trước kinh nghiệm.

Đạo đức với quan điểm duy vật của C. Mác và Ăngghen nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội, là kết quả của sự phát triển lịch sử. Từ ngữ đạo đức theo tiếng Hy Lạp là *ethos, nomos* có nghĩa là những thói quen hay tập tục được nhiều người chấp nhận, là những quy ước trở thành chuẩn mực đạo đức. Chữ công lý cũng vậy, trong Hy văn là *dike* có nghĩa là tiêu chuẩn ứng xử được chấp nhận, sau trở thành quy ước cố định và chuẩn mực mọi người phải tuân thủ. Từ góc độ này thì đạo đức là một hiện tượng tinh thần, một hình thái ý thức xã hội nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội con người.

Trong quan niệm đạo đức của Phương Đông hay truyền thống, đạo đức là phạm trù quan trọng và gắn liền với nhau giữa đạo và đức. *Đạo* là thực thể tuyệt đối có trước khi trời đất sinh ra, là cội nguồn, là đường đi, là đường sống⁽¹⁰⁾, *đức* là biểu hiện của Đạo, là nguyên tắc luân lý mà mỗi người phải tuân theo⁽¹¹⁾. Con người cần quay trở về hay gắn bó với Đạo mới

8. Charles E. Curran, Richard A. McCormick (Chủ biên.) *Readings in Moral Theology*, Quyển 7: Natural Law and Theology, Nxb. Paulist Press, New York, 1991, tr. 239.

9. Alan F. Johnson. *Is there Biblical Warrant for Natural Law Theories ?* Journal of the Evangelical Theological Society, 27th June, 1982, pp. 185-199. Kinh Thánh, Sdd, tr. 181,182, 755-757. Rôma 2:1-16, Châm ngôn 8:1-36.

10. Kinh Thánh, Sdd, tr. 106. Giảng 1:1-5.

11. Nguyễn Ngọc Long (Chủ biên). *Giáo trình Đạo đức học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 2000, tr. 8.

có sự sống và sự hòa hợp hạnh phúc giữa vũ trụ. Đạo gắn liền với đức, trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội, giữa hình thái ý thức tôn giáo và hình thái ý thức đạo đức luôn có quan hệ tương tác, đan xen và thâm nhập lẫn nhau⁽¹²⁾. William Barclay, một học giả Thánh Kinh, cho rằng đạo đức và tôn giáo có mối liên hệ gắn bó vì “đạo đức là một phần trong giáo lý tôn giáo dạy con người phải ăn ở ứng xử như thế nào”⁽¹³⁾.

Giáo lý đạo Tin Lành chủ trương về đạo đức có nghĩa là người tín đồ có sức mạng, ơn gọi, có thiên chức do Đức Chúa Trời chỉ định gắn liền với trách nhiệm xã hội của chính người đó⁽¹⁴⁾. Sự chu toàn các bổn phận ngay trong thế gian tương ứng với chức phận trong cuộc sống dành cho mỗi người trong xã hội. Trong đạo Cơ Đốc trước đây vốn cho rằng chỉ có công việc của hàng giáo phẩm và giới tu sĩ mới được gọi là Thánh chức, nhưng với đạo Tin Lành thì mỗi cá nhân có nghề nghiệp làm ăn chính đáng trong đời thường đều có ý nghĩa và giá trị cao đẹp. Với quan điểm “Beruf” của Martin Luther căn cứ trên Kinh Thánh⁽¹⁵⁾ thì chức nghiệp của mỗi người đang làm đều có giá trị tôn giáo, đáng trân trọng và có ý nghĩa thiêng liêng giữa xã hội.

Max Weber nhận định bổn phận được thực hiện thông qua các nghề nghiệp trần thế là hoạt động đạo đức cao nhất mà con người có thể đảm nhiệm ở đời này của Luther mang ý nghĩa mới mẻ⁽¹⁶⁾. Điều này biểu lộ trong quan điểm của tất cả các giáo phái Tin Lành về mục đích và nghĩa vụ của cuộc sống, đạo đức không còn là bổn phận nặng nề nhưng trở thành Thánh chức của mỗi người, phủ

nhận quan điểm của giáo hội thời Trung Cổ phân biệt các điều răn đạo đức thành các mệnh lệnh hay cuộc sống cao đẹp đạo đức phải vượt lên trên nền luân lý thế tục bằng lối sống khép kín trong các tu viện⁽¹⁷⁾. Cho nên, cuộc sống đạo đức đẹp lòng Đức Chúa Trời chính là chu toàn các trách nhiệm ngay trong thế gian này.

Trong xã hội truyền thống ít ai nghĩ công việc mình làm, xã hội thế tục mình đang sống có giá trị với ý nghĩa tích cực. Giáo lý đạo Tin Lành đã đưa cuộc sống xã hội hằng ngày lên tầm cao trong ý nghĩa tôn giáo, một bước san bằng quan trọng trong hệ thống thân phận của giai cấp và một tư tưởng góp phần chuyển biến nền xã hội hiện đại.

2. Luật Trời (Kinh Thánh)

Trương Văn Thiên Tư trong một nghiên cứu đã nhận định: “Trải qua bao thế hệ, người Việt truyền thống đã xây dựng cho mình một cách sống theo tình

12. Đặng Thị Lan. *Về vai trò của đạo đức tôn giáo trong đời sống xã hội*, Tạp chí *Triết học*, <http://chungta.com/Desktop.aspx/ChungTa-SuyNgam/Ton>

Giao/Ve_vai_tro_cua_dao_duc_ton_giao_trong_doi_song_xa_hoi/

13. William Barclay. *Ethics in a Permissive Society*, Harper & Row, Publishers, Inc. New York, 1971, p. 13.

14. Kinh Thánh, Sđd, tr. 205. I Côr. 7:17-24.

15. Kinh Thánh, Sđd, tr. 200, 202, 260, 297. I Côr. 1:26; 4:1-4; II Têr. 1:11; II Phi. 1:10.

16. Max Weber. *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Trí thức, 2008, tr. 131-145.

17. Đạo đức thời kỳ này được Giáo hội Công giáo ngày nay đánh giá rằng: “nặng về mặt tiêu cực, dạy điều cấm hơn khuyên phải làm, dạy tránh tội hơn tiến đức, sợ hình phạt do phạm tội hơn là mất ơn nghĩa với Chúa. Đạo Chúa như con đường băng qua bãi mìn hơn là con đường thoải mái đưa đến hạnh phúc thật.” Trương Như Vương. *Tìm hiểu tư tưởng đạo đức trong Kinh Thánh*, Nxb. Tôn giáo, H. 2005, tr. 2. Tài liệu tham khảo Cuộc Lữ Hành Đức Tin. UBNDKG TPHCM, tháng 10/1990.

yêu và công lí của Trời, hay Đạo Trời, đó là chuẩn mực cho đức hạnh của họ. Niềm tin mạnh mẽ vào Trời giúp cho người Việt truyền thống sống công chính và nhân lành trong bất kì hoàn cảnh sống nào⁽¹⁸⁾. Mặc dầu không hình thành tổ chức tôn giáo và không có một hệ thống thần học nhưng trong nhận thức người Việt truyền thống vẫn có khái niệm và sống tuân thủ theo “lề Trời” hay “luật Trời”. Tính khả tri cơ bản và theo nhận thức tự nhiên đầu người Việt chưa có luật thành văn của Đức Chúa Trời ban bố là Kinh Thánh, nhưng luật được khắc ghi trong lòng, tự phán đoán trái phải hay đúng sai, có lương tâm chứng thực⁽¹⁹⁾. Cho nên người Việt tự nhiên có khả năng nhận thức phải hành động đạo đức như thế nào tương ứng với Luật Trời, với hạt nhân đạo đức cơ bản đó là lòng yêu thương, yêu thương là làm trọn Luật Trời⁽²⁰⁾.

Người Việt truyền thống hiểu rằng, Trời yêu thương nhân loại và đòi hỏi con người phải yêu thương nhau, ngay cả khi có những khác biệt:

Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Người Việt Nam trải nghiệm và biết rằng những ai sống theo Luật Trời sẽ được thưởng, kẻ làm ác sẽ bị báo trả:

Ở hiền rồi lại được lành,

Những người nhân đức Trời dành phúc cho.

Đạo Trời báo phục chẳng lâu,

Hễ mà thiện ác đáo đầu chẳng sai.

Công lí Ông Trời không thiên vị, thưởng thiện phạt ác phân minh, đòi hỏi con cái có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ ông bà, chung thủy trong hôn nhân, đối xử với nhau cách công bằng và nhân ái, ngay cả khi đối mặt với kẻ thù trong chiến tranh cũng phải hành động “theo lẽ nghĩa, hợp với ý Trời, thuận theo lòng người”⁽²¹⁾. Chính vì có nếp sống đạo đức theo Luật Trời mà thiên hạ sẽ có một cuộc sống hòa hợp và thái bình. Nền đạo đức Tin Lành đặt cơ sở trên thiên luật mà đạo đức truyền thống vốn có:

+ 10 điều răn: nhằm gìn giữ và bảo đảm không gian sinh sống an toàn cho con người giữa cộng đồng xã hội, là cấu trúc cơ bản của đạo đức nhân loại. Trong đó có 4 điều răn liên quan đến sự gắn bó đối với Đức Chúa Trời là Đấng Tạo hóa là cội nguồn sự sống. Cùng với 6 điều răn dành cho con người khi chung sống với nhau: hãy hiếu kính cha mẹ, chớ giết người, chớ phạm tội tà dâm, chớ trộm cướp, chớ làm nhân chứng gian dối, chớ tham nhà cửa, vợ con, của cải người khác⁽²²⁾.

+ Chúa Cứu Thế một lần phán dạy cô đọng thành 2 điều răn: “kính mến Đức Chúa Trời - yêu thương mọi người”, nhấn mạnh nguyên tắc phát xuất từ nội tâm yêu kính Trời và thương yêu người như chính mình. Sống đạo đức xây dựng

18. Trương Văn Thiên Tư. *Mệnh Trời- Hướng đến một thần học sứ mạng Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Đại học Berkeley, California, 2009, tr. 145.

19. Kinh Thánh, Sđd, tr. 182. Rôma 2:14-15.

20. Kinh Thánh, Sđd, tr. 195. Rôma 13:8-10.

21. Mai Quốc Liên (biên tập). *Nguyễn Trãi Toàn tập Tân biên*, Nxb. Văn học, 2001, Q. 1: 506.

22. Kinh Thánh, Sđd, tr. 88, 120, Xuất 20:1-17; Phục 5:6-21.

trong ý nghĩa yêu kính Trời, làm cơ sở để yêu thương người.

Đạo Tin lành đề cao vị trí quan trọng của Kinh Thánh, coi đó là quy luật đức tin và chuẩn mực đạo đức cao nhất. Qua các câu chuyện và lời giáo huấn trong Kinh Thánh, những phạm trù đạo đức như ý nghĩa cuộc sống, thiện ác, hạnh phúc, nghĩa vụ, lương tâm, công bằng cũng được khái quát tiệm tiến theo dòng lịch sử nhân loại. M. Luther chỉ sử dụng thẩm quyền Kinh Thánh để phản kháng lại quyền uy của hệ thống giáo hội hữu hình, dùng tính không sai lạc (vô ngộ) của Kinh Thánh để phủ nhận với truyền thống không sai lầm của lãnh đạo giáo hội. Kinh Thánh có quyền hạn tối cao để xác định những gì con người tin cậy và lối sống khi họ quyết tâm làm theo lời giáo huấn của Đức Chúa Trời. Tín đồ đạo Tin Lành dù theo giáo phái nào cũng có lập trường Kinh Thánh có thẩm quyền cao nhất, sau đó mới đến uy quyền giáo hội, những phát biểu của giáo hội phải được chứng nghiệm bằng lời Kinh Thánh mới có giá trị. Lí trí cũng đóng vai trò vào sự kiểm chứng hệ thống luân lí đạo đức, xác nhận những giá trị đạo đức phù hợp. Kinh Thánh, giáo hội và lí trí tuy không có thẩm quyền như nhau nhưng cần phối hợp cả ba⁽²³⁾.

3. Ôn Trời (Ân sung, Ân điển)

Cuộc sống của con người vừa là quà tặng được đón nhận vừa là quà tặng phải trao đưa, vừa là ân tình vừa là nghĩa vụ⁽²⁴⁾. Việt Nam là đất nước có bốn ngàn năm văn hiến, người dân vốn đã thấm nhuần những giá trị cao đẹp và truyền thống ngàn đời của văn hóa với niềm tin biết ơn vào Đức Chúa Trời.

Ôn Trời mưa nắng phải thì,

Nơi thì cấy cày,

Nơi thì bừa sâu.

Nhờ Trời mưa gió thuận hòa,

Nào cây nào cấy trẻ già đua nhau⁽²⁵⁾.

Lòng biết ơn vẫn cần ghi nhớ ngay cả khi một người học hành đỗ đạt, công thành danh toại, được hưởng vinh hoa phú quý chính là nhờ “*Ôn Trời lộc nước đời đời hiển vinh*”⁽²⁶⁾. Những ý niệm này cho thấy Ông Trời là Đấng vốn rất linh thiêng, cao cả, quyền uy nhưng đồng thời cũng rất đời thường, gần gũi, yêu thương. Là Đấng ẩn mình nhưng cũng phát biểu với con người qua sự cứu rỗi và lòng quan tâm đến những cảnh đời, biến cố vui buồn trong cuộc sống mỗi người. Vì thế, trong lối sống của mình, tín đồ đạo Tin Lành biết ơn Trời với nghĩa vụ làm nổi bật những giá trị nhân văn xuất phát từ truyền thống văn hóa của đất nước mình.

Triết học thời kì Phục hưng nhấn mạnh đến lí tính và chủ nghĩa nhân bản. Các quan niệm này chủ trương chẳng những thần học mà cả nền đạo đức Cơ Đốc cần được đón nhận bằng lí tính. Tư

23. T. C. Hammond. *In Understanding Be Men*, Inter-Vasity Press. Bản tiếng Việt của Nguyễn Sinh. Nxb. Văn Phẩm Nguồn Sống, tr. 22.

24. Lưu Hồng Khanh. *Đạo đức học Cơ Đốc*, Thần học Viện Tin Lành Việt Nam, Frankfurt, 2003, tr. 73.

25. Hoàng Trọng Miên. *Trời trong ca dao - tục ngữ người Việt*, trích trong: *Việt Nam văn học Toàn Thư 1*. <http://maxreading.com/sach-hay/kho-tang-luc-bat-dan-gian/troi-trong-ca-dao-tuc-ngu-nguoi-viet-38250.htm>

26. Đoàn Quang. *Trời của người Việt Nam qua ca dao*, NSTTDM số 4 - tháng 4 năm 1978. <http://www.xuanha.net/Cadao-Tucngu/4troinguoiviet.html>

tưởng trong thời kì này nhấn mạnh đến quyền tự do cá nhân, con người được quyền vui hưởng những nhu cầu chính đáng ở trần gian. Cho nên, Martin Luther và George Calixt khai triển và nhấn mạnh đến chủ thể hành động đạo đức là con người phải được biến đổi tâm linh (tái sinh). Trong lời giáo huấn của Đức Chúa Jêsu có sự nhấn mạnh đặc biệt tác động của Đức Thánh Linh trong sự tái tạo để đưa một người vào nếp sống đạo hạnh. Vì từ khi tội lỗi xâm nhập thế giới, con người đánh mất bản chất thánh thiện, mang lấy mầm mống phản loạn và xu hướng tha hóa, như một người bị nhiễm virus bệnh tật dù trong thời kì ủ bệnh hay bộc phát sẽ không thể sống lành mạnh và hạnh phúc. Lí trí không còn nhận ra sự thiện, nếu có nhận ra thì cũng thiếu hụt năng lực để thực hành, chính vì vậy con người còn cần đến ơn Trời cứu rỗi, đổi mới tâm linh và ban cho sức thiêng⁽²⁷⁾.

Quan điểm của John Calvin còn nhấn mạnh đến giáo lí ơn Trời trong việc lựa chọn thánh đồ từ trước và mọi việc đều được an bài cho nên việc theo đuổi các nghi lễ tôn giáo sẽ chẳng đem lại sự cứu rỗi. Luther đưa ra quan điểm giáo lí “sống bởi đức tin” giải thiêng các kênh trung gian do giáo hội thiết lập. “Đức tin là sự biết chắc” được chứng thực bằng những kết quả khách quan tạo nên sự chắc chắn và hữu hiệu về ơn cứu rỗi. Tín đồ đạo Tin Lành cần chứng thực bằng hành động đạo hạnh hữu hiệu trong thế gian này. Đức tin tôn giáo của một tín đồ căn cứ vào sự biến đổi tâm linh (tái sinh) và tiến trình thánh hóa cuộc đời của người ấy, làm vinh danh Chúa bằng

những việc làm tốt lành thực sự chứ không phải chỉ có vẻ bề ngoài ngoan đạo. Cho nên, C. Mác viết về luận chứng này của Martin Luther xem như là một cuộc cách mạng tại Đức “đã giải phóng con người khỏi tính tôn giáo bên ngoài, nhưng lại biến tính tôn giáo thành thế giới bên trong của con người”⁽²⁸⁾.

Chính lòng biết ơn Trời là động lực thúc đẩy người tín hữu Tin Lành tin thờ Đức Chúa Trời và tham gia tích cực vào đời sống xã hội, bảo vệ môi trường xanh đẹp, chia sẻ trợ giúp người dân lúc gặp đau khổ hoạn nạn. Nhận thức những ơn lành Trời ban trong sự sáng tạo, sự cứu rỗi và sự chăm sóc chở che mỗi ngày, người tín đồ đạo Tin Lành không ngừng trao ban chia sẻ cho người khác qua lối sống thực tiễn. Việc “noi gương tốt” và “nêu gương tốt”⁽²⁹⁾ trong cuộc sống vừa là phương thức giáo dục vừa là hành động thực tiễn. Noi gương Đức Chúa Trời⁽³⁰⁾ như trong truyền thống người Việt nhận thức rằng “Ông Trời” yêu thương nhân loại, và đòi hỏi người người phải yêu thương nhau, noi gương lối sống hi sinh vì người khác như Chúa Cứu Thế Jêsu và các thánh đồ⁽³¹⁾. Đồng thời, mỗi tín đồ đạo Tin Lành cần phải có nếp sống đạo đức làm gương tốt cho người khác trong xã hội⁽³²⁾.

27. Kinh Thánh, Sđd, tr. 109, 188. Giảng 3:5-16. Rôma 7:14-25.

28. C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập, Quyển 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự Thật, H. 1995, tr. 570.

29. William Barlay. *Ethics in a Permissive Society*, Harper & Row Press, New York, 1971, pp. 54-60.

30. Kinh Thánh, Sđd, tr. 240, 1044. Êph. 5:1. Michê 7:18-20.

31. Kinh Thánh, Sđd, tr. 6, 209. Math 5:48; I Côr. 11:1.

32. Kinh Thánh, Sđd, tr. 269, 270. Tít 2: 1-15; 3:1-11.

* * *

Trong tinh thần đổi mới, Nhà nước Việt Nam đã có sự thay đổi nhận thức quan trọng về nhu cầu và sự tồn tại lâu dài của tôn giáo trong nhân dân. Nhận định này mang tính khách quan, khoa học và cũng xác định đạo đức tôn giáo có những giá trị ích lợi thực tiễn cho xã hội và công cuộc xây dựng đất nước. Việc chọn lọc và kế thừa những giá trị đạo đức của truyền thống và tôn giáo tại Việt Nam, trong đó có đạo đức Cơ Đốc với chuẩn mực trường tồn trong lịch sử, thực hành qua nếp sống đạo đức của người tin đạo. Giá trị của lối sống người tín đồ đã góp phần duy trì đạo đức chung, nhắm đến việc hoàn thiện nhân cách cá nhân sẽ có tác động lớn đến sự phát triển xã hội Việt Nam. Phát huy lối sống đạo đức Tin Lành với những nội dung tích cực, tiến bộ và năng động phù hợp với hoàn cảnh xã hội truyền thống và hiện đại, vốn đã được áp dụng thành công trong các quốc gia có nền khoa học tiên tiến trên thế giới. Chẳng những vậy nền đạo đức Tin Lành vốn đã có vai trò rất lớn góp phần trong việc mang đến sự phồn vinh thịnh vượng cho xã hội Phương Tây

nay trở nên nền kinh tế toàn cầu⁽³³⁾. Trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội, đức tin tôn giáo và ý thức đạo đức luôn có mối liên hệ đồng hành tương tác lẫn nhau, nhận thức đức tin vững mạnh thì lối sống đạo đức trở nên cao đẹp, tác động biện chứng đó đã được thể hiện trong đời sống hiện thực xã hội. Sự xuất hiện của đạo Tin Lành tạo thành một cuộc cách mạng Copernic trong lịch sử của biểu tượng Phương Tây⁽³⁴⁾. Tôn giáo này không thể tồn tại và phát triển nếu bản chất là ảo tưởng, không có lí tính khoa học hay đánh mất sự chủ động sáng tạo của con người, nhưng ngược lại đạo Tin Lành đã góp phần tích cực tạo nên thế giới hiện đại, làm cho xã hội văn minh và con người được nâng cao giá trị nhân bản. Một học thuyết đạo đức như vậy có những giá trị tích cực cho đất nước hiện nay, nhất là trong văn hóa tinh thần, trong lĩnh vực giáo dục, xây dựng con người và trật tự xã hội, hướng con người vào nhiệm vụ kinh tế phát triển đất nước. /.

33. Xem: Max Weber. *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Trí thức, 2008.

34. Jean Baubérot, Sđd, tr. 182.